

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
NĂM 2024

1. TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG – TRUNG CẤP

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 15)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Lâm sàng Nội, truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nội khoa	Cấp cứu, Nội tổng hợp	9	135	45	135	0	135
				Lâm sàng Ngoại	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Ngoại khoa	Ngoại	6	90	18	54	0	54
				Sản khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Sản khoa	Sản	4	60	10	30	0	30
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nhi khoa	Nhi	4	60	10	30	0	30
	Tổng 1						23	360	83	249	0	249
2	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Sản khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Sản khoa	Sản	5	75	10	30	0	30
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nhi khoa	Nhi	4	60	10	30	0	30
	Tổng 2						9	135	20	60	0	60

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 15)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
3	6720101 5720101	Cao đẳng/ trung cấp	Y sỹ đa khoa	Lâm sàng Nội nhiễm	Thực hành lâm sàng bệnh học Nội khoa	Cấp cứu, Nội tổng hợp,	5	75	45	135	0	75
				Lâm sàng Ngoại	Thực hành lâm sàng bệnh học Ngoại khoa	Ngoại	4	60	9	27	0	27
				Sản khoa	Thực hành lâm sàng bệnh học Sản khoa	Sản	3	45	5	15	0	15
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng bệnh học Nhi khoa	Nhi	4	60	5	15	0	15
	Tổng 3						16	240	64	192	0	132
4	6720201	Cao đẳng	Dược	Dược LS Thực tập TN	Dược LS Thực tập TN	Khoa Dược	5	75	0	0	0	75
	Tổng 4						5	75			0	75
5	6720102 / 5720102	Cao đẳng/ Trung cấp	Y sỹ y học cổ truyền	Lâm sàng đông y-phcn	Thực hành LS YHCT, LS bệnh học y học hiện đại Thực hành LS Kiểm soát nhiễm khuẩn	Đông y – Phcn	10	150	8	24	0	24
	Tổng 5						10	150	8	24	0	24
6	6720601	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	Lâm sàng V1, V2, Thực tập TN	KT Siêu âm chẩn đoán KT Chụp XQ KT chụp CLVT - CHT	Chẩn đoán hình ảnh	7	105	0	0	0	105

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 15)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Quản lý khoa XQ							
	Tổng 6						9	135	0	0	0	135
7	6720603	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	LS Đông Y LS PHCN	LS PHCN LS VĐTL; Ngôn ngữ trị liệu LS Kiểm soát nhiễm khuẩn	Đông y - PHCN	4	60	7	21	0	21
	Tổng 7						6	90	7	21	0	21
8	6720602	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Lâm sàng V1, V2, Thực tập TN Ls Huyết học Hóa sinh Vi sinh – KST	Ls Huyết học Hóa sinh Vi sinh – KST	Xét nghiệm	9	135	0	0	0	135
	Tổng 8						7	105	0	0	0	105
	Tổng chung						86	1290	182	546	0	801

2. TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC:

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 15)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	7720301	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	Lâm sàng Nội nhiễm	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nội khoa	Cấp cứu, Nội 1, nội 2, Lão	6	90	30	90	0	75
				Lâm sàng Ngoại	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Ngoại khoa	Ngoại	4	60	9	27	0	60
				Ls Sản khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Sản khoa	Sản	4	60	5	15	0	15
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nhi khoa	Nhi	3	45	5	15	0	15
	Tổng 1						17	130	49	147		165
2	7720303	Đại học	Hộ sinh	LS Sản khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Sản khoa	Sản	3	45	10	30		30
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nhi khoa	Nhi	3	45	10	30	0	30
	Tổng 2						6	90	20	60	0	60
4	7720201	Đại học	Dược	Dược LS	Dược LS	Khoa Dược	3	45	0	0	0	30

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 15)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
	Tổng 3						3	30	0	0	0	30
5	7720101	Đại học	Bác sĩ đa khoa	Lâm sàng Nội nhiễm	Thực hành lâm sàng bệnh học Nội khoa	Nội – CC – TN – Lão khoa	6	80	30	90	0	80
				Lâm sàng Ngoại	Thực hành lâm sàng bệnh học Ngoại khoa	Ngoại	5	50	9	27	0	27
				Sản khoa	Thực hành lâm sàng bệnh học Sản khoa	Sản	3	40	5	15	0	15
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng bệnh học Nhi khoa	Nhi	4	40	5	15	0	15
	Tổng 4						21	210	49	147	0	137
	Tổng chung						49	450	118	354	0	392

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN YÊN ĐỊNH

Phụ lục 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Chỉ tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

1. CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG

ST T	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm m KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giờ giảng đạt yêu cầu thực hành
1.	Trịnh Thị Hương	Bác sỹ	Đa khoa	017782/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 5 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nội – truyền nhiễm – HSCC Thực tập tốt nghiệp	Nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, và các bệnh nội khoa khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, Tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe ...	Nội khoa – Truyền nhiễm – Cấp cứu	45
2.	Nguyễn Thị Nhân	Điều dưỡng	Đa khoa	14080/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
3.	Lê Thị Hằng	Điều dưỡng	Đa khoa	006429/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
4.	Nguyễn Thị Phương	Điều dưỡng	Đa khoa	006408/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 10 năm				
5.	Trịnh Thị Duyên	Điều dưỡng	Đa khoa	012126/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 10 năm				

6.	Nguyễn Thị Giang	Điều dưỡng	Đa khoa	006406/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 15 năm				
7.	Trương Thị Thanh	Bác sỹ	Đa khoa	017621/TH-CCHN	Nội khoa	> 5 năm				
8.	Đỗ Ngọc Lưu	Điều dưỡng	Đa khoa	013429/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
9.	Nguyễn Thị Hằng	Điều dưỡng	Đa khoa	006404/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 15 năm				
10.	Nguyễn Xuân Hùng	Bs	Đa khoa	15140/TH-CCHN	KCB Ngoại khoa	> 5 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Ngoại Thực tập tốt nghiệp	Khám chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh ngoại khoa, chấn thương thông thường Thực hiện kỹ thuật Điều dưỡng, cấp cứu Ngoại khoa ...	Khoa ngoại	18
11.	Lê Xuân Hưng	Điều dưỡng	Đa khoa	006383/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
12.	Đinh Thị Nhung	Điều dưỡng	Đa khoa	14366/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
13.	Lê Thị Hồng Loan	Điều dưỡng	Đa khoa	006500/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 10 năm				
14.	Lê Văn Hoàng	Điều dưỡng	Đa khoa	012147/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				

	Huyền Thương			CCHN	đường					
16.	Lê Thị Thúy	Hộ sinh viên	Sản phụ khoa	012142/TH-CCHN	Hộ sinh viên	> 10 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Sản Thực tập tốt nghiệp	Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyển dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...	Khoa Sản	10
17.	Trần Thị Hằng	Hộ sinh viên	Sản phụ khoa	012141/TH-CCHN	Hộ sinh viên	> 5 năm				
18.	Phạm Thị Thanh	Hộ sinh viên	Sản phụ khoa	007409/TH-CCHN	Hộ sinh viên	> 5 năm				
20.	Lê Thị Luyện	Điều dưỡng	Đa khoa	006335/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
21.	Vũ Thị Nguyệt	Bác sỹ	Đa khoa	019933/TH-CCHN	KCB đa khoa	> 5 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nhi Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấpvà các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe	Khoa Nhi	10
22.	Nguyễn Thị Thủy	Điều dưỡng	Đa khoa	012128/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
23.	Lê Thị Quyên	Điều dưỡng	Đa khoa	016933/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
24.	Nguyễn Thị Hường	Điều dưỡng	Đa khoa	016925/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				

ST T	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giờ giảng đạt yêu cầu thực hành
1.	Đỗ Thị Linh	Bác sỹ	BSĐK	017784/TH-CCHN	KCB đa khoa	> 5 năm	Lâm sàng Bệnh học Nội - - truyền nhiễm -	KHÁM, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, và các bệnh nội khoa khác	Nội khoa - Truyền nhiễm	45
2.	Trương Thị Thanh Huyền	Bác sỹ	BSĐK	017639/TH-CCHN	KCB đa khoa	> 5 năm				

							HSCC Thực tập tốt nghiệp	Xử trí Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, Tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe ...	Cấp cứu - Lão khoa Khoa Nội	
3.	Nguyễn Đình Nhân	Bác sỹ	BSĐK	017574/TH-CCHN	KCB đa khoa	> 5 năm				
4.	Nguyễn Văn Toàn	Bác sỹ	BSĐK	000548/TH-CCHN	KCB đa khoa	> 5 năm				
5.	Nguyễn Anh Tuấn	Bác sỹ	BSĐK	001095/TH-CCHN	KCB đa khoa	> 5 năm				
6.	Lương văn Linh	Bác sỹ	BSĐK	017573/TH-CCHN	KCB đa khoa	> 5 năm	Lâm sàng Bệnh học Ngoại Thực tập tốt nghiệp	Khám chân đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh ngoại khoa, chấn thương thông thường Thực hiện kỹ thuật Điều dưỡng, cấp cứu Ngoại khoa ...	Khoa ngoại	
7.	Nguyễn Bá Dũng	Bác sỹ	BSĐK	019086/TH-CCHN	KCB đa khoa	> 5 năm				9
10.	Nguyễn Thị Hồng Vân	Bác sỹ	BSĐK	016891/TH-CCHN	KCB Đa khoa	> 5 năm	Lâm sàng Bệnh học Sản Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyên dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...	Khoa Sản	5

13.	Nguyễn Thị Thơm	Bác sỹ	Đa khoa	016890/T H-CCHN	KCB đa khoa	> 5 năm	Lâm sàng Bệnh học Nhi Thực tập tốt nghịệp	Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, hô hấp....và các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn,XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch,ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy,tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khoẻ.	Khoa Nhi	5
14.	Trần Thị Huyền Trang	Điều dưỡng	Đa khoa	016931/T H-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
15.	Phạm Hà Giang	Điều dưỡng	Đa khoa	012111/T H-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
16.	Trịnh Xuân Tuấn	Điều dưỡng	Đa khoa	012149/T H-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				

3. CAO ĐẲNG HỘ SINH

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghịệp KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giờ đạt yêu cầu thực hành
1.	Nguyễn Tuấn Anh	Bác sỹ	BS Sản phụ khoa	15139/TH- CCHN	KCB Sản phụ khoa	> 5 năm	Lâm sàng Sản vòng 2.3 ... Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyển dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...	Khoa Sản	10
2.	Nguyễn Thị Diễm Thúy	Hộ sinh	Hộ sinh	4272/QB-CCHN	Hộ sinh	> 5 năm				
3.	Nguyễn Thị Hương	Hộ sinh	Hộ sinh	006334/TH- CCHN	Hộ sinh	> 10 năm				

4.	Đỗ Thị Ngọc Anh	Hộ sinh	Hộ sinh	14027/TH-CCHN	Hộ sinh	> 5 năm				
5.	Bùi Thạch Ly	Hộ sinh	Hộ sinh	006338/TH-CCHN	Hộ sinh	> 10 năm				
6.	Lê Quỳnh Hương	Bác sỹ	BSĐK	019076/TH-CCHN	Nội nhi	> 5 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nhi	Khám, chẩn đoán, nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấpvà các bệnh nội nhi khác	Khoa Nhi	10
7.	Lưu Thị Huyền	Điều dưỡng	Đ D	012110/TH-CCHN	Đ D	> 5 năm	Thực tập tốt nghiệp	CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ...		
8.	Nguyễn Thùy Linh	Điều dưỡng	Đ D	012155/TH-CCHN	Đ D	> 10 năm		Thực hiện các KT ĐD: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe		
9.	Lại Thị Thu	Điều dưỡng	Đ D	012152/TH-CCHN	Đ D	> 5 năm				

4. CAO ĐẲNG DƯỢC

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
-----	-----------	---	-------------------------------------	---------------------	-------------------	------------------------	----------------------------	------------------	--------------------------------	---------------------------------

1.	Lê Thị Tuyền	Dược sỹ ĐH	Dược	2514/TH- CCHND	Dược	> 15 năm	Dược lâm sàng Thực tập Tốt nghệp	Thực hànhDược lâm sàng, Tra cứu TT thuốc, SD thuốc, Báo cáo ca LS, ... Tư vấn sử dụng thuốc Dự trữ thuốc Bảo quản thuốc....	Dược	0
2.	Lê Thị Phương Châm	Dược sỹ ĐH	Dược	2516/TH- CCHND	Dược	> 10 năm			Dược	0
3.	Lê Thị Hiền	Dược sỹ CĐ	Dược	2517/TH- CCHND	Dược	> 10 năm			Dược	0
4.	Trịnh Việt Yên	Dược sỹ CĐ	Dược	5565/CCHN-D -SYT-TH	Dược	> 5 năm			Dược	0
5.	Dương Thị Dung	Dược sỹ CĐ	Dược	2520/TH- CCHND	Dược	> 10 năm			Dược	0

5. CAO ĐẲNG/ TRUNG CẤP Y HỌC CỔ TRUYỀN

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghệp KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số gương đạt yêu cầu thực hành
-----	-----------	---	---	------------------------	-------------------------	--------------------------------	----------------------------------	------------------	--	---

1.	Trịnh Thị Hồng Nhung	Bác sỹ	YHCT, PHCN	15697/TH-CCHN	PHCN – YHCT	> 5 năm	Y học cổ truyền LS bệnh học y học hiện đại	Thực hành LS YHCT, LS bệnh học y học hiện đại Thực hành LS Kiểm soát nhiễm khuẩn	PHCN Đông Y	8
2.	Trịnh Thị Trang	Điều dưỡng	Đa khoa	008301/TH-CCHN	PHCN – Đa khoa	> 5 năm				
3.	Trịnh Ngọc Tiến	Điều dưỡng	YHCT	016924/TH-CCHN	PHCN	> 5 năm				
4.	Lê Thị Duyên	Điều dưỡng	YHCT	016923/TH-CCHN	YHCT	> 5 năm				
5.	Hoàng Thái Hùng	Bác sỹ CKI	YHCT, PHCN	012158/TH-CCHN	YHCT, PHCN	> 10 năm				
6.	Đỗ Thị Như Quỳnh	Bác sỹ CKI	YHCT	012135/TH-CCHN	YHCT	> 5 năm				
7.	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	KTV	YHCT	006356/TH-CCHN	YHCT	> 10 năm				
8.	Lê Thị Dịu	KTV	YHCT	006357/TH-CCHN	YHCT	> 10 năm				
9.	Vũ Thị Thùy	Điều dưỡng	YHCT	006371/TH-CCHN	YHCT	> 15 năm				
10.	Vũ Thị Anh	Điều dưỡng	YHCT	016932/TH-CCHN	YHCT	> 5 năm				

6. CAO ĐẲNG KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Lê Thị Lan	Bác sỹ CKI Trưởng khoa	CDHA	012113/TH-CCHN	CDHA	>10 năm	LS vòng 1.2.3 Thực tập tốt nghiệp	KT Siêu âm chẩn đoán, KT chụp XQ, KT chụp CLVT, Quản lý khoa XQ		
2.	Nguyễn Thị Kiều Trang	Bác sỹ	CDHA	017783/TH-CCHN	CDHA	> 5 năm				
3.	Trịnh Hồng Hiến	KTV	CDHA	012116/TH-CCHN	CDHA	> 10 năm				
4.	Phạm Văn Thúc	KTV	CDHA	14497/TH-CCHN	CDHA	> 5 năm				

5.	Lê Văn Nam	KTV	CDHA	006960/BD-CCHN	CDHA	> 5 năm				
6.	Lưu Thế Dũng	KTV	CDHA	006392/TH-CCHN	CDHA	> 20 năm				

7. CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Trịnh Hồng Nhung	Bác sỹ	YHCT, PHCN	14651/TH-CCHN	Phục hồi chức năng	> 10 năm	Lâm sàng Phục	Thực hành lâm sàng Phục hồi chức năng, Vận động trị liệu, hoạt động trị liệu.	PHCN- Đông Y	7
2.	Nguyễn Thị Kim Hà	Bác sỹ	YHCT, PHCN	017638/TH-CCHN	Phục hồi chức năng	> 5 năm				
3.	Trương Văn Dương	KTV	PHCN	006364/TH-CCHN	Phục hồi chức năng	> 10 năm				
4.	Vũ Văn Tân	KTV	PHCN	006365/TH-CCHN	Phục hồi chức năng	> 10 năm				

8. CAO ĐẲNG KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Nguyễn Thị Ngọc	Bác sỹ	Huyết học	14078/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 10 năm	Lâm sàng V2, 3; Thực tập TN Huyết học	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm: Công thức máu, Huyết đồ, tuỷ đồ, cách nhận định kết quả, phân tích sai hỏng về kết quả huyết học và	Xét nghiệm	0
2.	Trịnh Minh Anh	KTV	Huyết học	012118/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 5 năm				

3.	Vũ Thị Nga	KTV	KTV XN	012117/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 5 năm	Hóa sinh	các kỹ thuật cao. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm sinh hoá, định tính, định lượng các xét nghiệm sinh hoá ...		
4.	Lê Thị Dương	KTV	KTV XN	006342/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 5 năm				
5.	Nguyễn Anh Dũng	KTV	KTV XN	011924/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 5 năm				
6.	Hoàng Thị Thảo	KTV	KTV XN	13536/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 5 năm				
7.	Trịnh Thị Hương	KTV	KTV XN	015980/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 5 năm				
8.	Nguyễn Thị Thoa	Điều dưỡng viên	KTV XN	012154/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 5 năm				
9.	Dương Thị Thu Hà	KTV	KTV XN	006345/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 5 năm				

9. ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG

ST T	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành h, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giờ giảng đạt yêu cầu thực hành
1.	Phạm Văn Bằng	Bác sỹ CKII Giám đốc	Nội khoa	004382/TH-CCHN	Nội khoa	> 10 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nội – truyền nhiễm HSCC Thực tập tốt nghiệp	Nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, và các bệnh nội khoa khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, Tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe ...	Nội khoa – Truyền nhiễm – Cấp cứu	40
2.	Nguyễn Thị Quế	Bác sỹ CKI	Nội khoa	006366/TH-CCHN	Nội khoa	> 10 năm				
3.	Nguyễn Thị Thu Phương	Bác sỹ	Đa khoa	017623/TH-CCHN	Đa khoa	> 5 năm				
4.	Trịnh Thị Hương	Bác sỹ	Đa khoa	006410/TH-CCHN	Đa khoa	> 5 năm				
5.	Lê Thị Thương	Điều dưỡng	Đa khoa	012130/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 10 năm				
6.	Lưu Thị Thuyền	Điều dưỡng	Đa khoa	006370/TH-CCHN	Đa khoa	> 20 năm				
7.	Nguyễn Văn Thi	Bác sỹ CKI	Ngoại khoa	012121/TH-CCHN	Ngoại khoa	> 10 năm	Lâm sàng Điều	Khám chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh ngoại khoa, chấn thương thông thường	Khoa ngoại	9

8.	Lê Thị Loan	Bác sỹ	Đa khoa	14500/TH-CCHN	Đa khoa	> 5 năm	dưỡng Ngoại Thực tập tốt nghiệp	Thực hiện kỹ thuật Điều dưỡng, cấp cứu Ngoại khoa ...		
9.	Trịnh Thu Thảo	Điều dưỡng	Đa khoa	002604/TH-CCHN	Đa khoa	> 5 năm				
10.	Vũ Thị Lý	Điều dưỡng	Đa khoa	006390/TH-CCHN	Đa khoa	> 5 năm				
11.	Trương Thị Hà Phương	Bác sỹ	Đa khoa	017640/TH-CCHN	Đa khoa	> 5 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Sản Thực tập tốt nghiệp	Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyển dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...	Khoa Sản	5
12.	Trịnh Thị Lưu	Điều dưỡng viên	Sản phụ khoa	006333/TH-CCHN	ĐD ĐK	> 10 năm				
13.	Lê Thị Lợi	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	006340/TH-CCHN	Sản phụ khoa	> 10 năm				
14.	Phạm Thị Tinh	Điều dưỡng viên	Đa khoa	012143/TH-CCHN	ĐD ĐK	> 10 năm				
15.	Đào Thị Lý	Bác sỹ CKI	Nhi khoa	006367/TH-CCHN	Nhi khoa	> 10 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nhi Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấpvà các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khoẻ.	Khoa Nhi	5
16.	Phạm Thị Hương	Điều dưỡng CKI	Đa khoa	006396/TH-CCHN	ĐD ĐK	> 10 năm				
17.	Lưu Thị Liên	Điều dưỡng	Đa khoa	0002007/LĐ-CCHN	ĐD ĐK	> 5 năm				

8. ĐẠI HỌC DƯỢC

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Phạm Văn Thiên	Dược sỹ CKI	Dược	4117/CCHN-D-SYT-TH	Dược	> 10 năm	Dược lâm sàng Thực tập Tốt nghiệp	Thực hành Dược lâm sàng, Tra cứu TT thuốc, SD thuốc, Báo cáo ca LS, ...	Dược	0
2.	Nguyễn Văn Dương	Dược sỹ ĐH	Dược	1753/TH-CCHND	Dược	> 10 năm		Tư vấn sử dụng thuốc Dự trữ thuốc Bảo quản thuốc....	Dược	0
3.	Nguyễn Hữu Đạt	Dược sỹ ĐH	Dược	5566/CCHN-D-SYT-TH	Dược	> 5 năm			Dược	0

9. ĐẠI HỌC Y DƯỢC

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
-----	-----------	---	-------------------------------------	---------------------	-------------------	------------------------	----------------------------	------------------	--------------------------------	---------------------------------

1.	Lê Thị Phương	BS	Sân	006423/TH-CCHN	KCB Sân phụ khoa	> 10 năm	Lâm sàng Sân vòng 2,3 ... Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyên dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...	Khoa Sản	10
2.	Nguyễn Thị Hào	Bác sỹ CKI	Sân phụ khoa	006373/TH-CCHN	KCB Sân phụ khoa	> 10 năm				
3.	Nguyễn Thị Hằng	Hộ Sinh	Sân phụ khoa	006339/TH-CCHN	Sân phụ khoa	> 10 năm				
4.	Nguyễn Danh Lâm	BSCKI	Sân phụ khoa	006374/TH-CCHN	KCB Nhi	> 15 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nhi	Khám, chẩn đoán, Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấpvà các bệnh nội nhi khác		
5.	Lại Đức Tuấn	Điều dưỡng	Đa khoa	012131/TH-CCHN	ĐD Đa khoa	> 5 năm	Thực tập tốt nghiệp	CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ...	Khoa Nhi	
6.	Đoàn Thị Hạnh	Điều dưỡng	Đa khoa	006368/TH-CCHN	ĐD Đa khoa	> 10 năm		Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khoẻ		10

10. ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀ NỘI

ST T	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giờ giảng dạy yêu cầu thực hành
1.	Hồ Thị Hương	Bác sỹ CKI	Nội khoa	006361/T H-CCHN	Nội khoa	> 10 năm	Lâm sàng Bệnh học Nội - – Truyền nhiễm – HSCC Thực tập tốt nghiệp	KHÁM, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, và các bệnh nội khoa khác. Xử trí Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, Tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe ...	Nội khoa – Truyền nhiễm – Cấp cứu	30
2.	Thiều Thị Thủy	Bác sỹ	BSĐK	000967/T H-CCHN	BSĐK	> 5 năm				
3.	Trịnh Thị Ngọc	Bác sỹ CKI	Nội khoa	012119/T H-CCHN	BSĐK, Nội khoa	> 5 năm				
4.	Lê Trọng Hoan	Bác sỹ CKI	Truyền nhiễm	006360/T H-CCHN	Truyền nhiễm	> 5 năm				
5.	Nguyễn Trọng Hùng	Bác sỹ CKI	HSCC	004754/T H-CCHN	Nội khoa	> 10 năm				
6.	Trịnh Hữu Dũng	Bác sỹ CKI	HSCC	004366/T H-CCHN	HSCC	> 10 năm				

7.	Trịnh Minh Toàn	Bác sỹ CKI	Ngoại khoa	006347/T H-CCHN	Ngoại khoa	> 10 năm	Lâm sàng Bệnh học Ngoại Thực tập tốt nghiệp	Khám chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh ngoại khoa, chấn thương thông thường Thực hiện kỹ thuật Điều dưỡng, cấp cứu Ngoại khoa ...	Khoa ngoại	9
8.	Hà Văn Đức	Bác sỹ	BSĐK	14079/TH- CCHN	BSĐK	> 5 năm				
9.	Lê Văn Hạnh	Điều dưỡng	Đa khoa	008205/T H-CCHN	ĐD Đa khoa	> 10 năm				
10.	Lưu Lan Anh	Điều dưỡng	Đa khoa	006409/T H-CCHN	ĐD Đa khoa	> 10 năm				
11.	Phạm Văn Tuyển	Điều dưỡng	Đa khoa	006402/T H-CCHN	ĐD Đa khoa	> 10 năm				
12.	Trần Văn Cường	Bác sỹ CKI	Sản khoa	012122/T H-CCHN	Sản khoa	> 10 năm	Lâm sàng Bệnh học Sản Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyển dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...	Khoa Sản	5
13.	Lê Thị Tú	Điều dưỡng	ĐD Đa khoa	006431/T H-CCHN	ĐD Đa khoa	> 5 năm				
14.	Nguyễn Thị Cẩm Phương	Điều dưỡng	ĐD Đa khoa	012153/T H-CCHN	ĐD Đa khoa	> 5 năm				
15.	Hồ Thị Phương Thảo	Bác sỹ	BSĐK	002295/T H-CCHN	BSĐK	> 5 năm	Lâm sàng Bệnh học Nhi Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấpvà các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp	Khoa Nhi	5
16.	Lê Thị Thùy Linh	Điều dưỡng	ĐD Đa khoa	006380/T H-CCHN	ĐD Đa khoa	> 5 năm				

								cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe.		
17.	Lại Đức Tuấn	Điều dưỡng	ĐD Đa khoa	012131/T H-CCHN	ĐD Đa khoa	> 5 năm				
18.	Nguyễn Thị Lâm	Điều dưỡng	ĐD Đa khoa	006617/T H-CCHN	ĐD Đa khoa	> 10 năm				

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA YÊN ĐỊNH

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA NỘI

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2	Phòng trực	Phòng	1	
3	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		4	
4	Máy tính	Cái	6	
5	Ổng nghe	Cái	5	
6	Đèn đọc phim	Cái	1	
7	Bàn ghế ngồi	Bộ	2	
8	Ghế đơn	Cái	17	
9	Bóng Ambu	Cái	1	
10	Bình Oxy trung tâm	Cái	1	
11	Máy Monitor	Cái	1	
12	Máy ghi điện tim	Cái	2	
13	Máy hút đờm dãi	Cái	1	
14	Giường bệnh	Cái	54	
15	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	5	
16	Xe tiêm, Dụng dụng cụ, thuốc	Cái	6	
17	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	1	
18	Bơm tiêm điện	Cái	2	
19	Nhiệt kế các loại	Cái	2	
20	Hộp chống shock	Cái	5	
21	Cân	Cái	1	
22	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Cái	1	
28	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	43	

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA YÊN ĐỊNH

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA SẢN

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2	Phòng trực	Phòng	2	
3	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		6	
4	Bàn ghế ngồi	Bộ	2	
5	Ghế đơn	Cái	15	
6	Máy tính	Cái	7	
7	Ống nghe	Cái	3	
8	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
9	Bóng Ambu	Cái	2	
10	Bình Oxy các loại	Cái	Oxy trung tâm	
11	Máy hút đờm rãi	Cái	1	
12	Giường bệnh	Cái	61	
13	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	3	
14	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	1	
15	Xe tiêm	Cái	6	
16	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	16	
17	Bơm tiêm điện	Cái	0	
18	Nhiệt kế các loại	Cái	1	
19	Hộp chống shock	Cái	3	
20	Cân	Cái	1	
21	Thước đo chiều cao	Cái	2	
22	Kẹp, panh, kéo, kim, van các loại	Bộ	18	
23	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	61	
24	Bàn khám phụ khoa	Cái	1	
25	Bàn đẻ	Cái	3	

26	Bàn làm thủ thuật	Cái	1	
27	Đèn gù	Cái	4	

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA YÊN ĐỊNH

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA NGOẠI

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2	Phòng trực	Phòng	2	
3	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		4	
4	Máy tính	Cái	5	
5	Ông nghe	Cái	1	
6	Đèn đọc phim	Cái	1	
7	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
8	Bàn ghế ngồi	Bộ	2	
9	Ghế đơn	Cái	14	
10	Bóng Ambu	Cái	2	
11	Bình Oxy các loại	Cái	Oxy trung tâm	
13	Giường bệnh	Cái	50	
14	Bộ huyết áp, ông nghe	Cái	2	
15	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	3	
16	Xe tiêm, Dụng cụ, thuốc	Cái	1	
18	Bơm tiêm điện	Cái	1	
19	Nhiệt kế	Cái	1	
20	Hộp chống shock	Cái	2	
21	Cân	Cái	1	
23	Nồi hấp	Cái	5	
24	Các loại nẹp và dụng cụ cố định gãy xương	Bộ	10	
25	Kẹp, panh, kéo, kim, van các loại	Bộ	10	
27	Bộ tiêu phẫu	Bộ	5	
39	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	41	
30	Bàn làm thủ thuật	Cái	1	
31	Đèn gù	Cái	1	

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA YÊN ĐỊNH

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA NHI

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số Lượng	Ghi chú
1	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)	Phòng	5	
3	Bàn ghế ngồi	Bộ	2	
4	Máy tính	Cái	5	
5	Ông nghe	Cái	3	
6	Đèn đọc phim	Cái	1	
7	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
8	Ghế đơn	Cái	10	
9	Bóng Ambu	Cái	1	
10	Máy hút đờm rãi	Cái	1	
11	Giường bệnh	Cái	45	
12	Bộ huyết áp, ông nghe	Cái	2	
13	Xe tiêm	Cái	4	
14	Bơm tiêm điện	Cái	1	
15	Nhiệt kế	Cái	5	
16	Hộp chống shock	Cái	3	
17	Cân	Cái	2	
18	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	30	

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA YÊN ĐỊNH

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA DƯỢC

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số Lượng	Ghi chú
1	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2	Phòng trực	Phòng	1	
3	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)	Phòng	3	
4	Bàn ghế ngồi	Bộ	2	
5	Máy tính	Cái	5	
6	Ghế đơn	Cái	17	
7	Kho thuốc nội trú	Kho	2	
8	Kho thuốc ngoại trú	Kho	1	
9	Kho vật tư tiêu hao	Kho	1	
10	Kho hóa chất	Kho	1	
11	Tủ lạnh	Cái	2	
12	Tủ bảo quản thuốc: bút tiểu đường, insulin...,	Cái	3	
13	Máy đo độ ẩm	Cái	4	
14	Tủ đựng thuốc	Cái	3	
15	Xe vận chuyển thuốc	Cái	1	

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA YÊN ĐỊNH

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA XÉT NGHIỆM

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số Lượ	Ghi chú
1	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng		
2	Phòng trực	Phòng	1	
3	Các phòng chức năng của khoa	Phòng	2	
5	Bàn ghế ngồi	Bộ	2	
6	Máy tính	Cái	5	
7	Bảng viết lớn	Cái	1	
8	Ghế đơn	Cái	10	
9	Máy phân tích huyết học	Cái	5	
10	Máy sinh hóa tự động	Cái	2	
11	Máy đông máu tự động	Cái	1	
12	Máy điện giải đồ	Cái	1	
13	Máy phân tích nước tiểu	Cái	2	
14	Máy li tâm	Cái	2	
15	Kính hiển vi	Cái	4	
16	Tủ mát	Cái	3	
17	Tủ lạnh chuyên dùng	Cái	1	
18	Cân điện tử	Cái	1	
19	Máy máu lắng tự động	Cái	1	
20	Tủ Sấy	Cái	1	
21	Máy HbA1C	Cái	1	
22	Máy miễn dịch	Cái	1	
23	Máy in cột	Cái	2	
24	Máy đo nồng độ cồn	Cái	1	

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA YÊN ĐỊNH

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC
HÀNH

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số Lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa	Phòng	4	
6.	Bàn ghế ngồi	Bộ	2	
7.	Máy tính	Cái	2	
9.	Ghế đơn	Cái	10	
10.	Giường để siêu âm (giường, chiếu, gối, chăn,...)	Cái	3	
11.	Máy chụp X-Quang	Cái	2	
12.	Máy chụp cắt lớp vi tính	Cái	1	
13.	Máy siêu âm màu	Cái	2	
14.	Máy điện tim 6 cần	Cái	1	
15.	Máy điện não	Cái	1	
16.	Máy lưu huyết não	Cái	1	
17.	Đèn đọc phim	Cái	2	
19.	Đầu dò siêu âm 2D, 3D, 4D	Cái	2	

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA YÊN ĐỊNH
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA ĐÔNG Y

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số Lượng	Ghi chú
1	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2	Các phòng chức năng của khoa	Phòng	4	
3	Bàn ghế ngồi	Bộ	17	
4	Bộ dụng cụ đo dấu hiệu sinh tồn	Bộ	6	
5	Bộ dụng cụ tiêm thuốc	Bộ	4	
6	Bộ dụng cụ châm cứu	Bộ	2	
7	Bộ dụng cụ xoa bóp	Bộ	0	
8	Máy sắc thuốc	Máy	3	
9	Máy điện châm	Cái	38	
10	Đèn hồng ngoại	Cái	46	
11	Máy trung tần	Cái	2	
12	Máy xoa bóp toàn thân	Cái	2	
13	Bộ dụng cụ giác hơi	Bộ	1	
14	Xe đạp tập	Cái	1	
15	Máy sóng ngắn	Cái	1	
16	Nồi điện nấu Parafin	Cái	2	
17	Ròng rọc tập	Cái	1	
18	Cầu thang tập đi	Cái	1	
19	Bàn tập đứng	Cái	1	
20	Bộ tạ	Bộ	1	
21	Thanh tập song song	Cái	1	
22	Ghế tập mạnh chân tay	Cái	1	
23	Giường châm cứu	Cái	19	
24	Giường inox	Cái	49	
25	Tủ Đầu giường	Cái	27	
26	Xe Tiêm	Cái	3	
27	Máy đóng túi	Cái	2	
28	Tủ thuốc	Cái	1	

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA YÊN ĐỊNH

Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng hội trường lớn (để học theo lớp)	Phòng	1	200m ²
2	Phòng hội thảo nhỏ (học theo nhóm)	Phòng	2	50 m ²
5	Phòng khách dành cho Giáo viên	Phòng	2	20 m ²
6	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính, phòng bó bột, phòng mổ, đẻ...)			Đầy đủ theo quy định của BV hạng 2
7	Bảng viết lớn (Hội trường)	Cái	1	
8	Bảng phụ	Cái	1	
9	Màn chiếu	Cái	1	
10	Máy chiếu	Cái	2	
11	Máy tính	Cái	6	
12	Phần mềm quản lý bệnh viện/khoa	Phần mềm	1	
13	Bàn ghế ngồi	Bộ	50	
14	Ghế đơn	Cái	100	